

TẠO ĐIỀU KIỆN ĐỂ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TIẾP CẬN VỐN TÍN DỤNG NGÂN HÀNG THỜI KỲ HẬU COVID-19

● Mai Thị Trúc Ngân*

Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

TÓM TẮT

Đầu năm 2020 (trước dịch Covid-19), cả nước có gần 500,000 doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) chiếm hơn 97% số doanh nghiệp đang hoạt động, tạo ra 60% việc làm và gần 50% doanh thu, đóng góp 40% GDP và gần 30% cho ngân sách nhà nước. Nhưng trong sản xuất kinh doanh khu vực này gặp không ít khó khăn để có thể duy trì và phát triển. Một trong những khó khăn thường được nêu lên hàng đầu là khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức từ các ngân hàng thương mại (NHTM). Sau đại dịch Covid-19, các DNNVV càng gặp khó khăn hơn về vốn. Mặc dù Chính phủ và ngân hàng Nhà nước liên tục có các văn bản hỗ trợ DNNVV như nhiều lần giảm lãi suất; mở rộng thời gian cơ cấu lại nợ... nhưng nhìn chung các DNNVV vẫn rất khó tiếp cận vốn vay của các NHTM (chỉ có khoảng 30% DNNVV được vay vốn của NH). Bài viết này sẽ phân tích thực trạng các trở ngại của DNNVV khi tiếp cận vốn tín dụng NH. Từ đó, bài viết sẽ đề xuất các giải pháp, kiến nghị tạo điều kiện để các DNNVV có thể sử dụng kênh tín dụng NH hiệu quả trong việc phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh sau đại dịch Covid.

Từ khoá: tín dụng, doanh nghiệp nhỏ và vừa

CREATING CONDITIONS FOR SMALL AND MEDIUM ENTERPRISES TO ACCESS BANK CREDIT CAPITAL IN THE POST-COVID-19 PERIOD

● Mai Thi Truc Ngan

ABSTRACT

In early 2020 (before Covid-19 pandemic), there was almost 500,000 small and medium-sized enterprises (SMEs) in Vietnam, accounting for 97% of the total enterprises in operation, creating 60% of job and nearly 50% of the turnover, contributing to 40% of GDP and approximately 30% of the State budget. However, these enterprises had to cope with many obstacles during operation in order to retain the development. One of the difficulties which mentioned the most is the possibility for reaching official bank credit from the commercial banks. Subsequent to the Covid-19 pandemic spread-out, the SMEs encountered with more problems on capital. Although the Government and the State Bank of Vietnam has supporting policies for these enterprises, such as interest rate reduction, extension of debt restructure, etc. the SMEs are still unable to obtain loan from the commercial banks without any complications (in brief, there is only 30% of the SMEs able to obtain loan from banks). This article focuses on the analysis of the barriers preventing the SMEs to approach the bank credit. On that basis, it proposes the solutions in order for the SMEs to effectively use the loan for recovery and development of business activities post Covid-19 pandemic.

Keywords: credit, small and medium-sized enterprises (SMEs)

* Tác giả liên hệ: TS. Mai Thị Trúc Ngân, Email: nganmtt@hiu.vn

(Ngày nhận bài: 05/10/2022; Ngày nhận bản sửa: 10/11/2022; Ngày duyệt đăng: 16/11/2022).

1. MỞ ĐẦU

1.1. Đặt vấn đề

Quan điểm cho rằng doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) là động lực của tăng trưởng, phát triển kinh tế của một quốc gia đã nhận được sự đồng thuận lớn trên thế giới và tại Việt Nam. Khu vực này được xem là nguồn tạo ra việc làm, thúc đẩy cạnh tranh và đổi mới, đồng thời giúp xoá đói, giảm nghèo và giảm bất bình đẳng trong xã hội. Trước khi dịch Covid-19 hoành hành, cuối năm 2019 cả nước có trên 500,000 DNNVV, chiếm khoảng 97% số doanh nghiệp đang hoạt động, đóng góp khoảng 40% cho GDP và 30% cho ngân sách Nhà nước. Tuy vậy, để duy trì và phát triển, DNNVV gặp không ít khó khăn mà trở ngại hàng đầu là việc tiếp cận vốn vay từ các tổ chức tín dụng. Trong và sau dịch Covid-19, khó khăn đối với DNNVV lại càng chồng chất. Theo Báo cáo của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) [1] cho thấy, qua khảo sát 10,197 DNNVV ở tất cả ngành nghề thì có hơn 90% bị ảnh hưởng tiêu cực do Covid-19. Những trở ngại DN gặp phải như chuỗi cung ứng bị gián đoạn; khó khăn trong quản trị lao động; giảm đơn đặt hàng; giãn tiến độ đầu tư; phát sinh chi phí lớn về phòng ngừa dịch bệnh nhưng nghiêm trọng nhất vẫn là mất cân đối dòng tiền dẫn đến thiếu hụt vốn nhất là vốn lưu động cho quá trình sản xuất tiếp theo mà không thể tiếp cận được vốn vay của các ngân hàng thương mại (NHTM).

Trước thực trạng này, việc đồng hành của các NHTM với các DNNVV thời kỳ hậu Covid-19 là rất cần thiết. Vì vậy, việc tìm các giải pháp để phá các rào cản tạo điều kiện cho các DNNVV tiếp cận vốn tín dụng từ các NHTM là điều cấp bách.

1.2. Mục tiêu nghiên cứu

Phân tích các khó khăn, trở ngại của DNNVV khi tiếp cận vốn tín dụng của các NHTM, từ đó đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm phá các rào cản đưa vốn tín dụng chính thức đến các DNNVV.

1.3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng chủ yếu là phương pháp nghiên cứu định tính gồm các kỹ thuật cụ thể như thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp.

2. NỘI DUNG

2.1. Tổng quan DNNVV

Theo Điều 6, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP [2] thì: *DNNVV bao gồm những doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa đáp ứng tiêu chí số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm và một trong 2 tiêu chí tổng nguồn vốn hoặc tổng doanh thu của năm trước liền kề, thể hiện qua bảng dưới đây.*

Bảng 1. Tiêu chí phân loại DNNVV theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP [2]

Lĩnh vực	Doanh nghiệp siêu nhỏ		Doanh nghiệp nhỏ		Doanh nghiệp vừa	
	Số LĐ tham gia BHXH bình quân	Tổng nguồn vốn hoặc doanh thu	Số LĐ tham gia BHXH bình quân	Tổng nguồn vốn hoặc doanh thu	Số LĐ tham gia BHXH bình quân	Tổng nguồn vốn hoặc doanh thu
1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	10 người trở xuống	Tổng nguồn vốn từ 1 tỷ đồng trở	Từ trên 10 người đến 100 người	Tổng nguồn vốn trên 1 tỷ đồng	Từ trên 100 người đến 200 người	Tổng nguồn vốn từ trên 10 đến 100 tỷ

		xuống hoặc DT từ 3 tỷ đồng trở xuống		đến 10 tỷ đồng hoặc DT từ trên 3 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng		đồng hoặc DT từ trên 50 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng
2. Công nghiệp và xây dựng	10 người trở xuống	Tổng nguồn vốn từ 1 tỷ đồng trở xuống hoặc DT từ 3 tỷ đồng trở xuống	Từ trên 10 người đến 100 người	Tổng nguồn vốn từ trên 1 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng hoặc DT từ trên 3 đến 100 tỷ đồng	Từ trên 100 người đến 200 người	Tổng nguồn vốn từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng hoặc DT từ trên 100 tỷ đồng đến 300 tỷ đồng
3. Thương mại và dịch vụ	10 người trở xuống	Tổng nguồn vốn từ 1 tỷ đồng trở xuống hoặc DT từ 10 tỷ đồng trở xuống	Từ trên 10 người đến 50 người	Tổng nguồn vốn từ trên 1 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng hoặc DT từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	Từ trên 50 người đến 100 người	Tổng nguồn vốn từ trên 10 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng hoặc DT từ trên 50 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng

Các đặc điểm làm hạn chế năng lực cạnh tranh của DNNVV

Theo Nguyễn Văn Lê [3] thì so với các DN lớn về năng lực cạnh tranh DNNVV có các đặc điểm, và chính các đặc điểm này đã hạn chế năng lực cạnh tranh của chính họ.

+ Đặc điểm về vốn: Quy mô vốn nhỏ và năng lực tài chính thấp

DNNVV có nguồn vốn hạn chế, việc khởi sự kinh doanh, mở rộng qui mô đầu tư và đổi mới công nghệ, thiết bị được chủ yếu thực hiện bằng vốn tự có và một phần tín dụng không chính thức như vay, mượn đơn vị khác... Đây là hạn chế lớn nhất và đầu tiên của DNNVV, làm ảnh hưởng đến các quyết định đầu tư.

+ Đặc điểm về lao động

Phần lớn các DNNVV sử dụng nhiều lao động giản đơn, qui mô lao động nhỏ. Mặc dù có nguồn lao động dồi dào, nhưng lực lượng lao động trong các DNNVV đến từ nông thôn, chưa qua đào tạo, chưa có tác phong làm việc công nghiệp.

+ Năng lực quản lý điều hành còn thấp, khả năng tiếp cận thông tin và nghiên cứu thị trường còn hạn chế

Các nhà lãnh đạo còn nhiều hạn chế về năng lực quản lý, thiếu kiến thức về quản trị doanh nghiệp, về thị trường... tổ chức sản xuất kinh doanh theo kiểu gia đình bằng kinh nghiệm thực tế là

chủ yếu... nên khả năng ứng phó với các rủi ro trong kinh doanh yếu.

+ Đặc điểm về công nghệ, máy móc thiết bị

Công nghệ và máy móc thiết bị của các DNNVV thường lạc hậu, vì chi phí đầu tư công nghệ và kỹ thuật hiện đại thường vượt quá khả năng tài chính do quy mô vốn hạn chế. Điều này dẫn đến năng suất lao động thấp, giá thành cao, chất lượng sản phẩm, mẫu mã thua kém so với các doanh nghiệp lớn nên khả năng cạnh tranh yếu.

2.2. Tổng quan về tín dụng đối với DNNVV

Theo Bùi Diệu Anh [4]: “Tín dụng ngân hàng là giao dịch tài sản giữa ngân hàng với bên đi vay, trong đó ngân hàng chuyển giao tài sản cho bên đi vay sử dụng trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận, và bên đi vay có trách nhiệm hoàn trả vô điều kiện cả vốn gốc và lãi cho ngân hàng khi đến hạn thanh toán”.

Từ khái niệm về tín dụng ngân hàng, có thể hiểu tín dụng đối với DNNVV như sau: “*Tín dụng đối với DNNVV là hình thức cho vay trong đó ngân hàng thương mại cho DNNVV sử dụng một khoản tiền để dùng vào mục đích và thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc hoàn trả cả gốc và lãi*”.

Đặc điểm tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa

Theo Phan Thu Hà [5] tín dụng DNNVV có 1 số đặc điểm sau:

- + Số lượng một món vay không lớn, chủng loại món vay nhiều.
- + Thông tin về khoản vay có độ tin cậy thấp.
- + Tín dụng ngắn hạn là chủ yếu.
- + Tỷ lệ cho vay có tài sản bảo đảm thường cao.

Do năng lực tài chính yếu, nên khi cho DNNVV vay vốn các NHTM thường yêu cầu tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh của bên thứ ba. Tuy nhiên, hầu hết các DNNVV không đáp ứng được yêu cầu về tài sản bảo đảm theo quy định của ngân hàng, do những tài sản bảo đảm thường là máy móc thiết bị, nhà xưởng, của DNNVV lạc hậu, giá trị còn lại ít nên NHTM đánh giá rất thấp, còn hoạt động bảo lãnh DNNVV không tiếp cận được. Đây chính là rào cản lớn nhất để DNNVV tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng.

2.3. Các khó khăn DNNVV gặp phải khi tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng

Đa số DN đều cho rằng việc gặp ngân hàng là rất dễ nhưng để vay được vốn từ ngân hàng là hết sức khó khăn. Điều đó xuất phát từ 2 vấn đề chủ yếu là:

+ DNNVV khó xây dựng phương án kinh doanh chẵn chu: Đây là 1 trong những điều kiện cơ bản để các NHTM xét duyệt cấp tín dụng, nhưng DNNVV không có kinh nghiệm để thực hiện bài bản, chi tiết.

+ DNNVV không có tài sản thế chấp hoặc nếu có thì giá trị rất thấp không tương xứng món vay. 90% DNNVV đã cho ý kiến “không thể vay vốn nếu không có tài sản đảm bảo”.

+ Đó là chưa kể vì lãi suất vay là thỏa thuận nên các DN nhỏ và siêu nhỏ thường phải chịu chi phí vay cao hơn so với các DN lớn.

Điều này cho thấy dù DNNVV có ý tưởng và cơ hội kinh doanh tốt cũng khó tiếp cận được nguồn vốn tín dụng ngân hàng.

Không chỉ là vốn, lãi suất, mà các chính sách vĩ mô khác như chính sách đầu tư, chính sách thuế, phí cũng ảnh hưởng đến hoạt động của DNNVV. Và trong bối cảnh tác động của đại dịch Covid -19 các vấn đề này lại càng khó gỡ hơn.

2.4. Các chính sách của Nhà nước đã thực hiện trong và sau dịch Covid để hỗ trợ cho DNNVV

Từ năm 2019 đến nay, Đảng và Chính phủ luôn dành sự quan tâm, chỉ đạo các Bộ, ngành và địa phương xây dựng và thực hiện các chính sách hỗ trợ DNNVV. Về phía ngành ngân hàng, thì Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã chỉ đạo toàn ngành tận dụng mọi nguồn lực để triển khai những giải pháp hỗ trợ tích cực DNNVV.

NHNN đã chỉ đạo các tổ chức tín dụng (TCTD) tập trung vốn vào sản xuất kinh doanh và ban hành các chính sách, chương trình tín dụng ưu đãi với đối tượng DNNVV, chỉ đạo các TCTD cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết cho vay song vẫn đảm bảo an toàn vốn vay.

Chính phủ và NHNN cũng tích cực hỗ trợ DNNVV vượt qua khó khăn do đại dịch Covid-19 bằng cách ban hành nhiều chính sách miễn, giảm lãi suất, cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Điều này có thể thấy qua các văn bản sau:

Bảng 2. Các văn bản của CP và NHNN hỗ trợ DN trong thời gian đại dịch Covid-19

Số TT	Tên văn bản	Nội dung văn bản
01	Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 [6]	Quy định các TCTD, chi nhánh NH nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ DN chịu ảnh hưởng dịch Covid-19.
02	Thông tư 03/2021/TT-NHNN ngày 02/4/2021 [7]	Sửa đổi 1 số điều khoản của Thông tư 01/2020
03	Thông tư 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021[8]	Mở rộng đối tượng và thời gian cơ cấu lại nợ. Điều chỉnh thời gian phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc. Mở rộng thời hạn miễn, giảm lãi (đến 30/6/2022 thay vì 31/12/2021)
03	Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021[9]	Hướng dẫn thi hành một số điều khoản của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Theo Phan Linh [10]: Nhằm hỗ trợ các DN trong đó chủ yếu là DNNVV trước tác động của đại dịch Covid, trong điều hành lãi suất, năm 2020, NHNN đã 3 lần giảm lãi suất điều hành và là một trong những NHNN có mức lãi suất giảm nhiều nhất trong khu vực, qua đó tạo điều kiện cho các TCTD, NHTM giảm lãi suất cho vay. Sang năm 2021, với tác động độ trễ của 3 đợt giảm lãi suất 2020 kết hợp với việc giữ nguyên lãi suất năm 2021, kết hợp đồng bộ các giải pháp chính sách tiền tệ khác đã góp phần tiếp tục giảm mặt bằng lãi suất thị trường. Kết quả là mặt bằng lãi suất cho vay giảm khoảng 1%/năm trong năm 2020 và tiếp tục giảm 0.82% trong năm 2021.

Về phía các TCTD, thực hiện chỉ đạo của NHNN đã chủ động tiếp cận đối tượng khách hàng là nhóm DNNVV, đưa ra nhiều chương trình, sản phẩm ưu tiên, hỗ trợ cho khách hàng với mức lãi suất thấp.

Theo Vụ Tín dụng của NHNN, các TCTD đã miễn, giảm, hạ lãi suất cho trên 2.2 triệu khách hàng là cá nhân và DNNVV bị ảnh hưởng bởi dịch Covid. Lũy kế từ ngày 23/01/2020 đến ngày 07/02/2022, tổng số tiền lãi các TCTD miễn giảm cho KH khoảng 40,300 tỷ đồng. Trong việc thực

hiện cam kết giảm lãi suất của 16 NHTM, tổng số tiền lãi giảm lũy kế từ ngày 15/7/2021 đến 31/12/2021 là 21,244 tỷ đồng đạt 105.13% so với cam kết. Kết quả là đến cuối năm 2021, tín dụng đối với lĩnh vực DNNVV tăng 11.01% so với cuối năm 2020, chiếm 19.34% tổng dư nợ toàn nền kinh tế.

2.5. Thực trạng tiếp cận vốn tín dụng từ NHTM của các DNNVV sau khi có các chính sách mới của Chính phủ và NHNN

Thực hiện các chỉ đạo của NHNN, các TCTD đã có những ưu đãi dành cho khách hàng là DVNNVV để đảm bảo nguồn vốn phục hồi sản xuất kinh doanh trong bối cảnh “bình thường mới”, và dư nợ tín dụng của khách hàng là DNNVV cũng đã tăng lên như số liệu ở phần trên. Nhưng đến nay, việc tiếp cận vốn vay chính thức từ các TCTD, NHTM vẫn là nỗi bức xúc của các DNNVV.

Theo S. Hải [11] đến 30/6/2022, số DNNVV trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Tp.HCM) đang hoạt động là 264,407 (chiếm tỷ lệ trên 30% số DNNVV của cả nước) nhưng số DN tiếp cận được vốn vay của các NHTM lại rất khiêm tốn mặc dù hệ thống TCTD ở Thành phố đã có rất nhiều chính sách ưu đãi.

Bảng 3. Doanh số cho vay các DNNVV trên địa bàn Tp.HCM

Số TT	Tên chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	30/6/2022
01	Số lượng DN được vay vốn	10,092	8,555	28,806	29,028	24,272
02	Doanh số cho vay (tỷ đồng)	264,493	303,427	448,683	464,683	310,842

Như vậy cho thấy số lượng DNNVV tiếp cận được vốn vay chính thức từ các TCTD có tăng lên hàng năm và doanh số cho vay cũng tăng lên mỗi năm. Tuy vậy, nhưng nếu so sánh tỷ lệ các DNNVV tiếp cận vốn vay trên tổng số DNNVV đang hoạt động thì cũng chỉ từ 10% đến 20%. Đây là tình hình vay vốn của các DNNVV trên địa bàn Tp.HCM đại diện cho 30% DNNVV trên cả nước. Ở các tỉnh, thành khác tình hình cũng sẽ không được cải thiện hơn.

Như ở Hà Nội là địa bàn mà nhóm DNNVV phát triển mạnh nhưng theo Nhuệ Mẫn hệ thống BIBV ở Hà Nội đã thiết lập quan hệ giao dịch với khoảng 62,600 DNNVV trong đó chỉ có khoảng 5,200 DNNVV có quan hệ tín dụng (8.3% số lượng KH) với dư nợ khoảng 60,000 tỷ đồng. Ở Vietinbank Hà Nội tình hình cũng tương tự, chỉ có khoảng trên 10% KH là DNNVV vay vốn.

Như vậy, quả thật các DNNVV vẫn gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận vốn NHTM, TCTD. Nhưng đứng về phía các TCTD cũng phải thấy rằng nguyên tắc cốt lõi của NHTM khi cấp tín dụng là phải thu hồi đủ cả gốc và lãi để đủ bù đắp các chi phí và rủi ro trong hoạt động, nhất là với các NHTMCP còn phải chịu áp lực tạo lợi nhuận cao từ các cổ đông. Do vậy, bản thân các NHTM cũng đứng trước các vấn đề nan giải đặc biệt là nguy cơ đối mặt với nợ xấu ngày càng gia tăng nếu cho vay mà không chấp hành các nguyên tắc nhất là nguyên tắc về tài sản đảm bảo (TSĐB). Một DN phá sản có thể không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng ít đến nền kinh tế nhưng chỉ cần một NHTM mất ổn định sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ nền tài chính.

Vì thế dù có chủ trương của Nhà nước, nhưng các NHTM vẫn rất thận trọng khi xét cấp tín dụng. Hiện nay, các NHTM hiện nay đều bắt đầu áp dụng các tiêu chuẩn quản trị theo thông lệ quốc tế nên đưa ra nhiều điều kiện với khách hàng vay vốn theo quy định pháp luật. Mà các DNNVV thì tính minh bạch của thông tin chưa cao, hệ thống kế toán tài chính chưa được cập nhật thường xuyên, hệ thống Báo cáo tài chính của các DN nhỏ và siêu nhỏ chưa chuẩn chỉnh, thiếu thông tin hoặc

thông tin chưa chính xác nên khó đáp ứng yêu cầu của ngân hàng.

Do vậy dù có chủ trương, chính sách ưu đãi các DNNVV nhưng TCTD chỉ áp dụng đối với các DN có “sức khoẻ” tương đối tốt, có khả năng phục hồi, có cơ hội kinh doanh và biến cơ hội thành doanh thu có lợi nhuận.

2.6. Các đề xuất để tháo gỡ khó khăn, giúp các DNNVV tiếp cận vốn vay NH

Để hỗ trợ DNNVV tiếp cận được vốn vay chính thức, bài viết nêu các đề xuất sau:

+ Đối với Chính phủ, NHNN:

NHNN phối hợp chính quyền địa phương, hiệp hội DN tổ chức các chương trình kết nối NH-DN. Đây là diễn đàn chia sẻ, trao đổi để NH thấu hiểu những khó khăn DN phải đối mặt cũng như nắm các nhu cầu vốn cấp thiết của DN. Ngược lại DN cũng nắm được các chính sách, chủ trương, yêu cầu của NH để tự điều chỉnh mình đáp ứng. Đó là cơ sở để tăng khả năng tiếp cận vốn vay NH của các DNNVV.

NHNN nên có đề án thành lập tổ hợp Tín dụng với quy mô dưới 5% tổng dư nợ cho vay toàn nền kinh tế để cho các DNNVV đang khó khăn tiếp cận. Đây là khoản vay tín chấp tức DN không cần có TS đảm bảo nhưng phải là DN có “sức khoẻ” tương đối chứ không phải sắp chết. NHNN sẽ thiết lập tổ hợp (tính pháp lý) nhưng hoạt động sẽ giao 1 số NHTM uy tín. Tổ hợp phải có hội đồng xét duyệt hồ sơ vay của DN. Khi hội đồng đã chấp thuận cấp tín dụng thì các NHTM sẽ cam kết giải ngân.

NHNN cũng nên xem xét nới rộng room tín dụng của các NHTM hoặc không tính vào room các khoản vay dành cho các DNNVV hoạt động trong các ngành nghề kinh tế ưu tiên.

Chính phủ nên cho phép các tỉnh, thành phố lớn thành lập các Hiệp hội DNNVV đây cũng là cầu nối giữa NH-DN để tập trung tốt hơn trong việc hỗ trợ DN tiếp cận vốn vay NH.

Đối với Quỹ Phát triển DNNVV (hoạt động theo Nghị định số 39/2019/NĐ-CP) thì đề nghị Chính phủ cho phép Quỹ này ở các thành phố lớn có nhiều DNNVV hoạt động để có cơ chế tài chính đặc thù, được lấy nguồn từ quỹ TW phân cho thành phố tạo thêm 1 kênh phân phối vốn cho các DNNVV.

Bên cạnh đó Chính phủ cần thực hiện tốt các chính sách khác như với chính sách giá cả thì cần kiểm soát lạm phát, giữ vững giá các mặt hàng thiết yếu. Đảm bảo lưu thông hàng hoá, chuỗi cung ứng không bị gián đoạn. Kết hợp chính sách tài khóa với chính sách tiền tệ để kiểm soát lạm phát, ổn định thị trường, kích thích kinh tế phát triển tạo động lực để các DNNVV phục hồi tốt.

+ Đối với các TCTD, NHTM

NHTM nên có xếp loại tín nhiệm đối với DNNVV, nếu các DN không có nợ quá hạn (nợ từ loại 2 đến loại 5) thì tạo điều kiện tiếp cận vốn vay dù DN không có TSĐB.

Các NHTM, TCTD có thể nới rộng khái niệm TSĐB cho DN thể chấp các TSCĐ hoặc cầm cố các TSĐB ngắn hạn (nguyên vật liệu, hàng hoá) hình thành từ vốn vay.

Các NHTM cần đẩy nhanh tốc độ giải quyết thủ tục (lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ), như Techcombank giải quyết bộ hồ sơ vay chỉ trong 16 giờ. Để đẩy nhanh tốc độ này đề nghị các cấp thẩm quyền cho phép NH được chủ động trong việc định giá TSĐB.

Các NHTM cần thực hiện cơ chế mà NHNN đã đề ra là: Đối với các DNNVV không có TSĐB nếu DN cho NHTM quản lý dòng tiền của DN (chỉ cần DN công khai, minh bạch dòng tiền) thì NHTM sẽ có cơ sở cho DN vay.

+ Đối với DNNVV

Điều kiện tiên quyết để DN tiếp cận được vốn vay NH là tính minh bạch trong hoạt động kinh

doanh. Khi xét hồ sơ vay của DN thì NH đặc biệt quan tâm điều này. Do vậy, các DN cần củng cố lại bộ máy quản trị nội bộ, chấp hành tốt các quy định về quản lý tài chính, kế toán của Nhà nước.

DN cũng cần rà soát lại phương án kinh doanh, có những kế hoạch sản xuất, kinh doanh tốt. Bên cạnh đó DN cần nâng cao khả năng phân tích, dự báo thị trường để tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm đi đôi với rà soát lại TSCĐ để kịp thời thay mới MMTB đảm bảo công suất, năng suất lao động, chất lượng hàng hoá để giảm giá thành, tăng lợi nhuận.

3. KẾT LUẬN

Bài viết đã cho thấy toàn bộ khó khăn của DNNVV khi tiếp cận vốn vay chính thức của các TCTD, NHTM nhất là sau đại dịch Covid-19. Mặc dù Chính phủ, NHNN đã có nhiều chủ trương, chính sách ưu đãi cho loại hình DN này nhưng tình hình không mấy cải thiện. Do vậy, trong thời gian tới để khơi thông dòng vốn tín dụng, nâng cao khả năng tiếp cận vốn từ NH để DNNVV có thể phục hồi sản xuất kinh doanh bài viết đã đưa ra 1 hệ thống giải pháp đồng bộ từ Chính phủ, NHNN, các tỉnh, thành phố. Bên cạnh đó DNNVV cũng cần có những điều chỉnh trong quản lý điều hành. Hy vọng rằng với những giải pháp này DNNVV có thể khôi phục sản xuất kinh doanh trong bối cảnh “bình thường mới”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Báo cáo “*Tác động của dịch bệnh Covid đối với DN Việt Nam, phát hiện chính từ điều tra DN năm 2021*” Báo cáo của Phòng thương mại và Công nghiệp VN (VCCI) tháng 9/2021.
- [2] Nghị định 39/2008/NĐ-CP “*Quy định chi tiết 1 số điều của Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa*” tháng 3/2018.
- [3] N.V.Lê “*Tăng trưởng tín dụng ngân hàng đối với DNNVV ở VN trong điều kiện kinh tế vĩ mô bất ổn*”. Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Ngân hàng Hà Nội, 2014.
- [4] B. D.Anh, “*Tín dụng Ngân hàng*”, NXB Thống kê, 2015.
- [5] P.T.Hà, “*Giáo trình Ngân hàng thương mại*”, NXB Đ5i học Kinh tế Quốc dân, 2013.
- [6] Thông tư 01/2020TT-NHNN “*Quy định các TCTD, chi nhánh NH nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi suất, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ DN chịu ảnh hưởng dịch Covid-19*”, ngày 13/3/2020.
- [7] Thông tư 23/2021/TT-NHNN “*Sửa đổi một số điều khoản của Thông tư 01/2020*”, ngày 02/04/2021.
- [8] Thông tư 14/2021/TT-NHNN “*Mở rộng đối tượng và thời gian cơ cấu lại nợ. điều chỉnh thời gian trả nợ gốc*”, ngày 07/9/2021.
- [9] Nghị định 80/2021NĐ-CP “*Hướng dẫn thi hành một số điều khoản của Luật Hỗ trợ DNNVV*”, ngày 26/8/2021.
- [10] Phan Linh “*Hỗ trợ DNNVV phục hồi sản xuất kinh doanh trong bối cảnh “bình thường mới”*”, *Tạp chí Ngân hàng số đặc biệt Chào mừng 70 năm tạp chí NH xuất bản số đầu tiên*, tháng 9/2022.
- [11] S.Hải “*Tháo gỡ vướng mắc để các DNNVV dễ tiếp cận các chương trình hỗ trợ*”, *Báo Điện tử của Đảng Bộ Thành phố Hồ Chí Minh*, 04/10/2022.